

Số: /2024/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

Dự thảo lần 2

THÔNG TƯ

Quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê

Căn cứ Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12 tháng 11 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;

Căn cứ Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số/2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Phụ lục của Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê và sửa đổi, bổ sung một số điều, Phụ lục II của Nghị định số 94/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia và quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 05/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để thu thập thông

tin thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh (chỉ tiêu thống kê quốc gia phân tổ cấp tỉnh, chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh); chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP); chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thống kê và các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn báo cáo thống kê tình hình kinh tế - xã hội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, cá nhân thực hiện chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê, bao gồm:

1. Tổng cục Thống kê.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
3. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Điều 3. Nội dung Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê

Nội dung Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê gồm mục đích, phạm vi thống kê, đối tượng áp dụng, đơn vị báo cáo, đơn vị nhận báo cáo, ký hiệu biểu, kỳ báo cáo, thời hạn nhận báo cáo, phương thức gửi báo cáo và danh mục, biểu mẫu báo cáo kèm theo giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê.

1. Mục đích

Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nhằm đáp ứng yêu cầu biên soạn hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh; chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP); chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành Thống kê và các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn báo cáo thống kê tình hình kinh tế - xã hội.

2. Phạm vi thống kê

Số liệu báo cáo trong hệ thống biểu mẫu thuộc phạm vi trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

3. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng theo quy định tại Điều 2 Thông tư này.

4. Đơn vị báo cáo

Đơn vị báo cáo là Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê.

5. Đơn vị nhận báo cáo

Đơn vị nhận báo cáo là Tổng cục Thống kê được ghi cụ thể tại góc trên bên phải của từng biểu mẫu thống kê, dưới dòng đơn vị báo cáo.

6. Ký hiệu biểu

Ký hiệu biểu gồm hai phần: Phần số và phần chữ; phần số được đánh liên tục từ 001, 002, 003,...; phần chữ được ghi chữ in viết tắt sao cho phù hợp với từng ngành hoặc lĩnh vực và kỳ báo cáo (năm - N, 2 năm - 2N, 5 năm - 5N; quý - Q; tháng - T; kỳ, nhiệm kỳ - K; hỗn hợp - H); lấy chữ BCC (Báo cáo Cục) thể hiện cho hệ biểu mẫu báo cáo thống kê ngành Thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

7. Kỳ báo cáo

Kỳ báo cáo thống kê là khoảng thời gian nhất định quy định đối tượng báo cáo thống kê phải thể hiện kết quả hoạt động bằng số liệu theo các tiêu chí thống kê trong biểu mẫu báo cáo thống kê. Kỳ báo cáo được ghi ở phần giữa của từng biểu mẫu thống kê (sau tên biểu báo cáo). Kỳ báo cáo thống kê được tính theo ngày dương lịch và được quy định cụ thể của từng biểu mẫu báo cáo thống kê, bao gồm:

- Báo cáo thống kê tháng.
- Báo cáo thống kê quý.
- Báo cáo thống kê 6 tháng.
- Báo cáo thống kê 9 tháng.
- Báo cáo thống kê năm.
- Báo cáo thống kê đột xuất trong trường hợp khi có sự vật, hiện tượng đột xuất xảy ra: Thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn. Ngoài ra còn có kỳ báo cáo khác được ghi cụ thể ở biểu mẫu báo cáo.

8. Thời hạn nhận báo cáo

Ngày nhận báo cáo được ghi cụ thể tại góc trên bên trái của từng biểu mẫu thống kê.

9. Phương thức gửi báo cáo

Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi báo cáo thống kê bằng văn bản (bản giấy) hoặc báo cáo điện tử theo thời gian quy định trên từng biểu mẫu. Báo cáo bằng văn bản giấy phải có chữ ký, đóng dấu của Thủ trưởng đơn vị báo cáo hoặc báo cáo điện tử (được ký số) để thuận lợi cho việc kiểm tra, đối chiếu, xử lý số liệu.

10. Biểu mẫu báo cáo và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê

Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê bao gồm: Danh mục biểu mẫu báo cáo thống kê; Các biểu mẫu báo cáo thống kê, giải thích và hướng dẫn cách ghi biểu báo cáo của các lĩnh vực quy định tại các Phụ lục (từ Phụ lục số I đến Phụ lục số VI) ban hành kèm theo Thông tư này. Biểu mẫu báo cáo về từng lĩnh vực như sau:

- a) Phụ lục số I: Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực Tài khoản quốc gia.
- b) Phụ lục số II: Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản.
- c) Phụ lục số III: Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực Công nghiệp.
- d) Phụ lục số IV: Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực Vốn đầu tư và Xây dựng.
- đ) Phụ lục số V: Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực Thương mại và Dịch vụ.
- e) Phụ lục số VI: Biểu mẫu báo cáo về lĩnh vực Xã hội và Môi trường.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục Thống kê có trách nhiệm:
 - a) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai Thông tư.
 - b) Thu thập, tổng hợp, biên soạn số liệu thống kê theo quy định của Thông tư.
 - c) Hướng dẫn và kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Chế độ báo cáo thống kê này theo quy định của pháp luật.
 - d) Thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình triển khai Thông tư: hoàn thiện và triển khai phần mềm báo cáo thống kê áp dụng đối với Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; tích hợp, khai thác số liệu thống kê từ các phần mềm ứng dụng chuyên ngành, từ các cơ sở dữ liệu hành chính khác thuộc trách nhiệm được giao để phục vụ cho lập báo cáo thống kê.
 - đ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xây dựng hệ thống biểu mẫu và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê thu thập các chỉ tiêu thống kê từ các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố.
 - e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan hàng năm rà soát danh mục và nội dung các biểu mẫu báo cáo thống kê theo quy định của Thông tư để đề nghị sửa đổi, bổ sung biểu mẫu báo cáo cho phù hợp với thực tiễn.
2. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:
 - a) Tổ chức, chỉ đạo, đôn đốc các Sở, ban, ngành thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh; cung cấp thông tin thống kê thuộc lĩnh vực quản lý cho Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo các biểu mẫu báo cáo ban hành kèm theo Thông tư này.
 - b) Phối hợp chặt chẽ và thực hiện chỉ đạo, hướng dẫn về nghiệp vụ chuyên môn thống kê của Tổng cục Thống kê.
3. Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm:
 - a) Chấp hành đầy đủ, chính xác từng biểu mẫu báo cáo về nội dung báo cáo; thời điểm báo cáo và thời kỳ báo cáo; gửi báo cáo đúng thời gian quy định;

b) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương về chuyên môn nghiệp vụ thống kê, phân công, hướng dẫn các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh, thành phố thực hiện hệ thống biểu mẫu và giải thích biểu mẫu báo cáo thống kê; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương việc thực hiện các chỉ tiêu thống kê các Sở, ban, ngành chịu trách nhiệm thu thập tổng hợp.

c) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức tổng kết tình hình thực hiện chế độ báo cáo thống kê tại địa phương.

d) Ứng dụng công nghệ thông tin trong tiếp nhận, tổng hợp thông tin từ các Sở, ban, ngành, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Tổng cục Thống kê.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024 và thay thế Thông tư số 01/2019/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định Chế độ báo cáo thống kê ngành Thống kê.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) để kịp thời xem xét, chỉnh lý./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- VPBCĐTW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- Website của Chính phủ;
- Công báo VPCP;
- Cục Thống kê tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, TCTK (2).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng